

INCOME IN THE SOUTHEAST REGION IN THE PERIOD OF 2010-2020*

Nguyen Quang Giai

Thu Dau Mot University

Email: nguyenquanggiai@tdmu.edu.vn

Received: 16/7/2021

Reviewed: 20/8/2021

Revised: 07/9/2021

Accepted: 20/9/2021

Released: 30/9/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/564>

According to on the data set of the results of the Vietnam Household Living Standards Survey 2010-2020 (VHLSS) of the General Statistics Office (GSO), the article aimed to analyze empirical evidences on the progress of income inequality in the South East of Vietnam over the past decade (2010-2020) in which the gaps of the rich and the poor; urban - rural areas; and the inequality between this region and others in Vietnam have been diversified and differentiated significantly. The study also presented and discussed the drivers of income inequality; and proposed the possibility to solve them by using Income Gap Coefficient, Gini Coefficient and the 40WB criteria.

Keywords: *Income inequality; Social mobility; Southeastern Area; Economy; Income.*

1. Đặt vấn đề

Trải qua 35 năm, Việt Nam duy trì là một trong những quốc gia phát triển kinh tế nhanh nhất thế giới và đạt được thành tựu đáng kể trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Kể từ sau đổi mới năm 1986 đến nay, Việt Nam bước vào một giai đoạn tăng trưởng kinh tế ấn tượng với tốc độ bình quân 7,40%/năm, 1990-2008 (WB¹, 2015), sau đó giảm chậm với tốc độ 6,63%/năm trong một thập niên gần đây (giai đoạn từ năm 2010-2020) (GSO, 2020). Thành quả kinh tế đã tạo động lực quan trọng phát triển đất nước trên mọi phương diện, trong đó hành trình rõ nét nhất là thu nhập và chỉ tiêu ngày càng được nâng lên, mức sống của đại đa số dân cư tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, bất bình đẳng thu nhập, chênh lệch mức sống ngày càng gia tăng, khoảng cách giàu nghèo, phân tầng xã hội rõ rệt hơn giữa và trong hầu hết

các nhóm xã hội, vùng, khu vực cả nước. Điều này đồng nghĩa, vấn đề này vẫn còn nhiều thách thức, tồn tại cần nỗ lực giải quyết.

Chính vì vậy, bất bình đẳng thu nhập dành được sự quan tâm nghiên cứu bởi các nhà kinh tế, xã hội học, chính trị và cơ quan hoạch định chính sách, song bất bình đẳng thu nhập chưa được nghiên cứu nhiều, đặc biệt với quốc gia đang phát triển như Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu bất bình đẳng thu nhập giúp hiểu được lợi ích của tăng trưởng kinh tế được chia sẻ như thế nào trong dân chúng, sự di động và dịch chuyển xã hội giữa các nhóm dân cư. Thông qua đó đề xuất một số giải pháp khắc phục hiệu quả sự bất bình đẳng thu nhập trong dân cư.

2. Tổng quan nghiên cứu

Tăng trưởng và phát triển của một quốc gia không thể tránh khỏi vấn đề bất bình đẳng, trong đó bất bình đẳng thu nhập là một trong những khía cạnh,

¹. World Bank (Ngân hàng Thế giới).

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một thuộc đề tài: “Mức sống dân cư vùng Đông Nam Bộ qua kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2008, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018”, mã số: ĐT 20-037.

nội dung quan trọng thu hút sự quan tâm nghiên cứu của một số học giả và cơ quan chuyên môn.

World Bank (2014) đã đưa ra thông điệp mang tính đúc kết, bất bình đẳng là vấn đề quan ngại chung ở Việt Nam và trên toàn thế giới. Cùng quan điểm này, nhóm nghiên cứu Alesina & Roberto (1996) qua công trình “Income Distribution, Political Instability and Investment” công bố trên tạp chí *European Economic Review*, Vol 40, issue 6 cho rằng bất bình đẳng có thể làm suy giảm sự gắn kết xã hội, chính trị của một quốc gia. Theo đó, nếu sự dịch chuyển xã hội một khi bị hạn chế hay cản trở kết hợp với tình trạng bất bình đẳng ngày một leo thang vượt quá giới hạn không thể chịu đựng được sẽ góp phần dẫn tới tình trạng bất ổn - kết luận này được đưa ra từ nhóm tác giả Demombynes & Berk (2005) qua bài báo “Crime and local inequality in South Africa”, đăng trên *Journal of Development Economics*, Vol 76, issue 2. Ngoài ra, bất bình đẳng còn ảnh hưởng tới niềm tin và có thể cản trở nỗ lực hợp tác giải quyết vấn đề, đặc biệt trong quản lý các nguồn lực chung và cung cấp dịch vụ công.

Như vậy, nhìn chung có một sự thừa nhận và đồng thuận khá rộng rãi, bất bình đẳng là một vấn đề xã hội đáng quan ngại. Nếu bất bình đẳng ngày một gia tăng, không được kiểm soát thì sự gắn kết xã hội càng trở nên yếu ớt, điều này cũng đồng nghĩa vấn đề trật tự xã hội trở nên phức tạp hơn.

Ngày nay, dịch chuyển xã hội trở thành thước đo sự bình đẳng về cơ hội, phản ánh các cơ hội được chuyển hóa thành các kết quả kinh tế-xã hội. Trong 17 mục tiêu phát triển bền vững do Liên hợp quốc đưa ra giai đoạn 2015-2030, có 5 mục tiêu liên quan mật thiết dịch chuyển xã hội gồm²: (1) xóa nghèo, (4) giáo dục chất lượng cao, (5) bình đẳng giới, (8) tăng trưởng việc làm phát triển nền kinh tế, (10) giảm bất bình đẳng.

Đạt mức tăng trưởng cao trong khi bất bình đẳng thu nhập chỉ ở mức tăng “khiêm tốn”. Đây là kết luận chung nhất được World Bank (2014) chỉ ra khi so sánh và xem xét mức độ bất bình đẳng thu nhập Việt Nam so với một số quốc gia trên thế giới. Tăng trưởng dài hạn ở Việt Nam khá bình đẳng và đã đạt được “chia sẻ thịnh vượng” liên tục kể từ những năm 1990. World Bank lấy tiêu chuẩn 40WB làm thước đo chia sẻ thịnh vượng. Theo tham số này, trong giai đoạn 1993-2012, Việt Nam đạt được những kết quả rất tốt - thu nhập của nhóm 40% dân số nghèo nhất tăng 8,9%/năm, vượt tốc độ tăng trưởng 7% của nhóm 60% dân số giàu nhất. Theo đó, trong 20 năm trở lại đây, gia tăng bất bình đẳng thu nhập Việt Nam thấp hơn, với mức khiêm tốn so

với tại các nền kinh tế tăng trưởng nhanh khác ở Châu Á (WB, 2014, tr.40-41).

3. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu và công cụ đo lường.

Bài viết này sử dụng và khai thác từ bộ dữ liệu VHLSS trong 10 năm gần đây nhất (2010-2020) và một số tài liệu thứ cấp khác liên quan. Để đo lường và đánh giá bất bình đẳng thu nhập ở Đông Nam Bộ giai đoạn 2010-2020 diễn ra như thế nào, nghiên cứu đồng thời sử dụng thước đo hệ số Gini, hệ số giãn cách thu nhập/hệ số chênh lệch giàu nghèo; tiêu chuẩn 40WB (Hung, 2020; Hang, 2019). (1) Hệ số giãn cách thu nhập: Hệ số này được tính bằng tỷ số giữa thu nhập của 20% dân số có thu nhập cao nhất (nhóm giàu - nhóm 5) trên thu nhập của 20% dân số có thu nhập thấp nhất (nhóm nghèo - nhóm 1). Hệ số này càng lớn thì bất bình đẳng càng cao và ngược lại. (2) Tiêu chuẩn 40WB: tiêu chuẩn này được World Bank khởi xướng, tính bằng tỷ lệ thu nhập của 40% dân số có mức thu nhập thấp nhất trong xã hội trên tổng thu nhập của toàn bộ dân cư. Nếu tỷ lệ này trên 17% thì bất bình đẳng thấp, từ 12% đến 17% bất bình đẳng vừa, dưới 12% bất bình đẳng cao (Hang, 2019). (3) Hệ số Gini: Hệ số Gini hay còn gọi hệ số Lorenz³, hệ số Gini mang tên nhà thống kê người Ý Corrado Gini (1884-1965), là số đo về sự bất bình đẳng phân phối thu nhập dân cư được sử dụng phổ biến nhất.

Bảng 1. Hệ số Gini về thu nhập

$0 \leq G \leq 1$	Tên gọi
Gini = 0	Bình đẳng tuyệt đối
Gini = 1	Bất bình đẳng tuyệt đối
Gini < 0,4	Bất bình đẳng thấp
Gini = 0,4; 0,5	Bất bình đẳng trung bình
Gini > 0,5	Bất bình đẳng cao

Nguồn. So sánh chỉ số phát triển giữa Việt Nam và Indonesia giai đoạn hiện nay (Giai, 2016)

Cách tiếp cận

Tiếp cận vùng (vùng kinh tế-xã hội), sẽ giúp nhận diện, phân tích động thái, thực trạng và xu hướng bất bình đẳng thu nhập, chỉ tiêu ở Đông Nam Bộ trong tầm nhìn đối sánh vùng. Vùng là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, gồm một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các hoạt động kinh tế-xã hội (KT-XH) tương đối độc lập, thực hiện sự phân công lao động xã hội của cả nước. Đây là loại vùng phục vụ việc hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển KT-XH theo lãnh thổ cũng như để

². Giữ theo thứ tự của mục tiêu.

³. Trong tiếng Anh gọi là Gini coefficient.

quản lý các quá trình phát triển KT-XH trên mỗi vùng của đất nước. Theo cách hiểu này, Việt Nam hiện có 6 vùng, gồm Trung du và miền núi phía Bắc (TDMNPB); Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH); Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (BTBDHMT), Tây Nguyên (TN); Đông Nam Bộ (ĐNB) và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) (Giai, 2019, tr.29).

4. Kết quả nghiên cứu

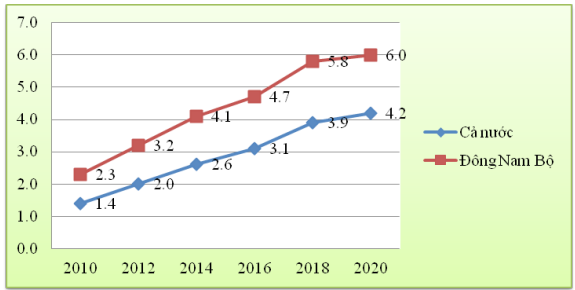
4.1. Thực trạng thu nhập cả nước giai đoạn 2010-2020

Giai đoạn 2010-2020, kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng khá đạt mức bình quân 6,63%/năm, cao hơn 1,3 lần và ngày càng vượt xa khu vực Đông Nam Á (GSO, 2019; 2020). GDP năm 2020 đạt khoảng 2,91%, tuy là mức thấp nhất của các năm (từ năm 2010 đến năm 2020), nhưng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực mọi lĩnh vực KT-XH, thì đây là thành công của Việt Nam với mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới (GSO, 2020, tr.187).

Những thành tựu kinh tế đã lan tỏa đến đời sống các tầng lớp dân cư trong xã hội. Biểu hiện rõ nhất là thu nhập của người dân liên tục được nâng lên, tăng 3,1 lần sau 10 năm.

Trong thời gian này, thu nhập ở vùng ĐNB cao nhất so với các vùng khác trong cả nước, bình quân hơn khoảng 1,5 lần cả nước (4.346,8 nghìn đồng so với 2.874,1 nghìn đồng). Thu nhập năm 2020 gấp 2,6 lần năm 2010; vùng ĐBSH 3.489,8 nghìn đồng, năm 2020 gấp 3,2 lần năm 2010; vùng BTBDHMT 2.213,3 nghìn đồng, năm 2020 gấp 3,3 lần năm 2010; vùng TN 2.135,7 nghìn đồng, năm 2020 gấp 2,6 lần năm 2010; vùng ĐBSCL 2.600,9 nghìn đồng, năm 2020 gấp 3,1 lần năm 2010; và thấp nhất là vùng TDMNPB 1.822,7 nghìn đồng, năm 2020 gấp 3,0

lần năm 2010. Cùng thời gian này, thu nhập các địa phương trong vùng ĐNB cũng được nâng lên, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương đạt mức cao hơn. Thu nhập người dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiều hơn khoảng nửa triệu đồng (524,2 nghìn đồng) (4.871,0 nghìn đồng so với 4.346,8 nghìn đồng) so với toàn vùng, Bình Dương hơn 468,3 nghìn đồng (4.815,1 nghìn đồng so với 4.346,8 nghìn đồng) (Tổng hợp từ VHLSS, 2010-2020).



Biểu đồ 1. Thu nhập vùng Đông Nam Bộ so với cả nước 2010-2020 (1.000 đồng)

Nguồn. Viet Nam Household Living Standards Survey, 2010-2020

4.2. Bất bình đẳng thu nhập ở vùng Đông Nam Bộ phân theo giàu - nghèo trong giai đoạn 2010-2020

Trong bối cảnh thu nhập tăng lên của cả nước, thu nhập các nhóm dân cư vùng ĐNB đều tăng nhanh do mức tăng người nghèo có phần cao hơn người giàu. Năm 2020, thu nhập nhóm nghèo nhất từ 2,5 triệu đồng/tháng/người, tăng 3,6 lần năm 2010 (720 nghìn đồng); nhóm giàu nhất, năm 2020 đạt 11,4 triệu/tháng/người, tăng 2,1 lần năm 2010 (5,5 triệu) (Bảng 2).

Bảng 2. Thu nhập ĐNB theo 5 nhóm thu nhập (1.000 đồng)

Năm	Chung	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chênh lệch nhóm 5/1 (lần)
2010	2.304,3	720,0	1.205,2	1.683,7	2.340,7	5.572,7	7,7
2012	3.172,8	1.053,8	1.724,5	2.406,1	3.319,6	7.361,0	7,0
2014	4.124,9	1.397,5	2.273,0	2.990,6	3.971,8	9.979,4	7,1
2016	4.661,7	1.608,0	2.625,8	3.452,4	4.637,4	10.998,6	6,8
2018	5.792,2	1.821,3	1.821,3	4.554,5	6.241,5	13.084,0	7,2
2020	6.025,0	2.582,0	4.120,0	5.249,0	6.717,0	11.460,0	4,4

Nguồn. Viet Nam Household Living Standards Survey, 2010-2020

Mặc dù, thu nhập và tốc độ cải thiện nguồn thu các nhóm dân cư ngày được nâng lên rõ rệt, nhưng thu nhập của người giàu và người nghèo còn khá chênh nhau. Mức chênh lệch 7,7 lần năm 2010, 7,0 (2012), 7,1 (2014), 6,8 (2016), 7,2 (2018) và 4,4 lần năm 2020. Khoảng cách chênh lệch tuy có dấu hiệu giảm, nhưng vẫn còn khá xa với bình quân giai đoạn 2010-2020 là 6,7 lần. Điều này cho thấy phân hóa giàu nghèo vẫn còn phổ biến ở vùng ĐNB (Bảng 2).

Nếu tính theo tiêu chuẩn 40WB của World Bank trong giai đoạn này, vùng ĐNB luôn ở mức trên 17% (3.825,3 nghìn đồng so với 4.346,8 nghìn đồng). Cụ thể, đạt 88,0%, gấp 5,2 lần so với định mức 17% nên bất bình đẳng thấp so với thế giới, nằm trong ngưỡng an toàn và có xu hướng ổn định trong cả giai đoạn (tính toán từ VHLSS, 2010-2020).

4.3. Cơ cấu nguồn thu nhập ở vùng Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2010-2020

Thu nhập người dân có được từ hai nguồn chính: (1) nguồn thu từ tiền lương/lao động hưởng lương; (2) nguồn thu tự làm. Xem xét nguồn thu ĐNB giai đoạn 2010-2020 cho thấy: (1) Hơn một nửa (56,4%) nguồn thu nhập người dân có được là từ công việc hưởng lương và gần một nửa nguồn thu còn lại là do người dân tự làm (46,6%). Trong nguồn thu tự làm, bình quân thu từ nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 6,4%; phi nông, lâm nghiệp, thủy sản khoảng 29,3% và nguồn thu khác 10,9%; (2) Tỷ trọng thu nhập diễn ra theo hướng tăng dần từ công việc hưởng lương và giảm nguồn thu tự làm. Năm 2020, thu từ lao động hưởng lương đạt 65,3%, tăng 13,1% năm 2010 (52,5%); trong khi thu nhập tự làm từ 47,5% năm 2010, còn 34,7% năm 2020 (giảm 12,8%). Điều này phản ánh xu hướng thu nhập người dân ngày được cải thiện và đây là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao mức sống (tổng hợp từ VHLSS, 2010-2020)

Có thể rút ra một số đặc điểm về nguồn thu của vùng ĐBSCL và vùng ĐNB như sau: Có sự tương đồng và khác biệt khá lớn về cơ cấu nguồn thu của người dân ở hai vùng phía Nam của Tổ quốc: (1) Cả hai vùng này đều chứng kiến xu hướng tăng nguồn thu từ lao động hưởng lương và thu hẹp dần nguồn thu tự làm; (2) Tại vùng ĐNB, với 1 đồng tạo ra thì hơn một nửa là từ lao động hưởng lương và phần còn lại là do tự làm; trong khi vùng ĐBSCL lao động hưởng lương chỉ chiếm khoảng 0,3 đồng, phần thu nhập còn lại là người dân tự làm. Rõ ràng, lao động tự làm ở khu vực kinh tế nông nghiệp là công việc và nguồn thu nhập chính của cư dân Tây Nam Bộ, tuy vậy, nguồn thu này đang ngày một giảm dần, năm 2020 so 2010 giảm 1,7 lần (năm 2010: 33,1%; năm 2020: 20,0%) (tổng hợp từ

VHLSS, 2010-2020). Được xem là vựa lúa lớn nhất nước, nơi cung cấp sản lượng lương thực chủ yếu cho cả nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, nguồn thu và hoạt động sản xuất nông nghiệp vùng ĐBSCL đặc biệt những năm gần đây đang đứng trước những thách thức và rủi ro lớn do ảnh hưởng và tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn... ngày một nặng nề.

4.4. Bất bình đẳng thu nhập ở vùng Đông Nam Bộ theo đối sánh vùng, đô thị - nông thôn Việt Nam

Theo dõi hệ số Gini theo vùng, khu vực đô thị - nông thôn Việt Nam trong 10 năm gần đây có thể rút ra một số thông tin cần quan tâm sau: (1) nhìn chung trên phạm vi cả nước, hệ số Gini diễn ra theo xu hướng ngày thu hẹp lại, tuy mức độ còn chậm; (2) có sự khác biệt đáng kể về hệ số Gini giữa các vùng miền, giữa đô thị và nông thôn. Cụ thể, Gini gia tăng tại những vùng kém phát triển như TDMNPB, TN, ĐBSCL, khu vực nông thôn. Thực trạng và động thái này phần lớn là do suy giảm kinh tế và nghèo đói (Bo Ke hoạch và Dau tu, 2015). Ví dụ, TDMNPB là vùng nghèo nhất của đất nước (VHLSS, 2008-2018⁴), nơi mà phần lớn các hộ nghèo kinh niên sinh sống. Theo đó, trong khi một nhóm nhỏ hưởng lợi từ thành quả tăng trưởng kinh tế và cải thiện mức sống thì một bộ phận lớn hơn bị tụt lùi phía sau, gây nên tình trạng bất bình đẳng trong khu vực. Mặt khác, ở nông thôn khi kinh tế ngày càng phát triển thì sự thay đổi cơ cấu lao động trong các ngành nghề diễn ra nhanh và ngày càng lớn dẫn đến bất bình đẳng thu nhập giữa người giàu và nghèo ngày thêm cao (Hung, 2020). Tiếp đến, tăng trưởng đã lan rộng trên khắp các khu vực địa lý chứ không chỉ giới hạn ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và thu nhập cũng ngày một tăng lên ở khu vực nông thôn (WB, 2015, tr.41). Vùng TDMNPB năm 2010, hệ số Gini đạt 0,406 (vị trí 4/6 vùng); Gini tiếp tục gia tăng theo thời gian và đạt 0,420 năm 2020, đây là mức cao nhất các vùng trong cả nước. Nếu xét hệ số giãn cách thu nhập giai đoạn 2010-2020, kết quả chỉ ra bất bình đẳng thu nhập giữa người giàu và nghèo ở nông thôn đều cao hơn đô thị (8,2 lần so với 7,0 lần).

Ngược lại, Gini ngày giảm dần đối với khu vực phát triển, có tiềm lực kinh tế như khu vực đô thị, vùng ĐBSH, vùng ĐNB. Ở khu vực đô thị, vùng kinh tế phát triển, người dân bình đẳng và dễ dàng hơn trong tiếp cận các cơ hội phát triển chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng làm việc thông qua giáo dục -

⁴. Theo chuẩn nghèo của Chính phủ giai đoạn 2011-2015 là: 29,4% (2010); 23,8% (2012); 18,4% (2014); 13,8% (2016). Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của Chính phủ giai đoạn 2016-2020 là: 23,0% (2016); 21,0% (2017); 18,4% (2018).

Bảng 3. Hệ số Gini về thu nhập ĐNB trong đối sánh vùng, đô thị - nông thôn giai đoạn 2010-2020

Năm	2010	2012	2014	2016	2018	2020
Cả nước	0,433	0,424	0,430	0,431	0,424	0,375
Đô thị	0,402	0,385	0,397	0,391	0,372	0,330
Nông thôn	0,395	0,399	0,398	0,408	0,407	0,373
ĐBSH	0,408	0,393	0,407	0,401	0,392	0,327
TDMNPB	0,406	0,411	0,416	0,433	0,443	0,420
BTBDHMT	0,385	0,384	0,385	0,393	0,383	0,354
TN	0,408	0,397	0,408	0,439	0,440	0,406
ĐNB	0,414	0,391	0,397	0,387	0,373	0,291
ĐBSCL	0,398	0,403	0,395	0,405	0,399	0,368

Nguồn. Viet Nam Household Living Standards Survey, 2010-2020

đào tạo nên có nhiều sự lựa chọn công việc với mức lương tương xứng. Thành quả tăng trưởng được phân phối tới người lao động nhiều hơn, nên bất bình đẳng thu nhập dần được cải thiện và thấp hơn nông thôn, vùng kém phát triển. Điều này có nghĩa, khoảng cách bất bình đẳng thu nhập tại những nơi này ngày càng được thu hẹp. Đơn cử, vùng ĐNB là vùng kinh tế tăng trưởng cao, phát triển cao nhất so với các vùng trên lãnh thổ Việt Nam, một bộ phận lớn người dân hưởng lợi từ các chính sách kinh tế xã hội trên diện rộng và khả năng tiếp cận với các cơ hội phát triển của người dân nhiều hơn, thu nhập cao, hộ nghèo ít hơn.

Giai đoạn 2010-2020, bất bình đẳng thu nhập Việt Nam ở mức trung bình. Gini chung 10 năm này là 0,419. Nếu xét từng năm bất bình đẳng đều ở mức trung bình. Hệ số bất bình đẳng có sự khác biệt đáng kể giữa đô thị và nông thôn. Ở đô thị, Gini bình quân toàn giai đoạn là 0,379, nghĩa là bất bình đẳng thấp, tuy nhiên năm 2010, bất bình đẳng trung bình (0,402), từ năm 2012 đến 2020, Gini giảm dần và đều ở mức bất bình đẳng thấp. Tại nông thôn, Gini bình quân giai đoạn này là 0,396, thuộc bất bình đẳng thấp, Gini những năm 2016 (0,408) năm 2018 (0,403) thuộc mức trung bình, những năm trước đó (2010-2014) bất bình đẳng thấp. Như vậy, nhìn chung trong 1 thập niên qua, bất bình đẳng thu nhập ở đô thị và nông thôn Việt Nam đều ở mức thấp, tuy nhiên hệ số Gini có sự dịch chuyển và biến động nhẹ theo thời gian. Tại ĐNB, bình quân hệ số Gini trong 10 năm đạt 0,375, bất bình đẳng ở mức thấp và ngày giảm rõ rệt. Bất bình đẳng thuộc mức trung bình chỉ duy nhất vào năm 2010 (0,414), và từ đó

trở về sau Gini đều ở mức thấp (2012: 0,391; 2014: 0,397; 2016: 0,387; 2018: 0,373; 2020: 0,291).

5. Thảo luận

5.1. Chính sách giảm bất bình đẳng thu nhập, thúc đẩy phát triển bền vững

Trong 10 năm gần đây, thu nhập vùng ĐNB nói riêng, các vùng miền cả nước nói chung đều tăng, tuy nhiên chênh lệch thu nhập là khá xa nhau. Mức thu nhập cao nhất thuộc về vùng ĐNB và thấp nhất là vùng TDMNPB. Vấn đề quan tâm hơn chênh lệch thu nhập dẫn tới chênh lệch trong tiếp cận y tế - chăm sóc sức khỏe, giáo dục và việc làm, khiến bất bình đẳng thu nhập ngày càng xa hơn, điều này góp phần làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo, chênh lệch mức sống và phân tầng xã hội. Thực tế cho thấy, bất bình đẳng về kinh tế và bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản có tác động qua lại với nhau (Sơn & Tiến, 2014). Hơn một nửa thu nhập vùng ĐNB là lao động hưởng lương và gần một nửa nguồn thu còn lại là do tự làm. Xu hướng thu nhập của lao động hưởng lương ngày một tăng, trong khi nguồn thu tự làm giảm. Theo khuyến cáo các nhà kinh tế, những nền kinh tế đang phát triển với lực lượng lao động dồi dào nên chuyển dần một lượng lớn lao động tự làm với năng suất thấp sang tỷ lệ lao động hưởng lương năng suất lao động cao hơn (GSO, 2019). Nghiên cứu của Nguyễn Thúy Hà (2013) cũng chỉ ra, tại những quốc gia có nền kinh tế phát triển thường có tỷ trọng người làm công ăn lương chiếm trên 80%.

Khác biệt về kinh tế, vùng, điều kiện tự nhiên - xã hội có ảnh hưởng và quyết định cơ cấu nguồn thu

nhập giữa vùng ĐNB và vùng ĐBSCL nói riêng, cũng như giữa vùng ĐNB so với các vùng miền trên bản đồ thu nhập Việt Nam. Do vậy, để hạn chế bất bình đẳng và giúp xã hội phát triển bền vững, đòi hỏi Chính phủ và cơ quan chức năng cần có những quyết sách và giải pháp hiệu quả hơn trong nỗ lực nâng cao năng suất lao động, trình độ chuyên môn và kỹ năng tay nghề đối với lao động khu vực nông thôn, nhóm người nghèo, vùng kém phát triển. Tuy nhiên, bất bình đẳng thu nhập là vấn đề lớn của xã hội, liên quan đến nhiều lĩnh vực nên giải quyết bất bình đẳng và hạn chế những mặt trái của nó không chỉ dựa vào chính sách kinh tế mà cần đồng thời chú ý đến chính sách xã hội.

5.2. Tăng trưởng kinh tế và bền vững xã hội

Tăng trưởng kinh tế, phân phối thu nhập và bền vững xã hội luôn có mối quan hệ, tác động, chi phối lẫn nhau. Trong bối cảnh hiện nay, toàn cầu hóa có thể có những tác động quan trọng đối với phân bổ thu nhập. Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra, tăng trưởng là điều kiện cần, nhưng chưa đủ để nâng cao mức sống dân cư. Là vùng kinh tế năng động và phát triển nhất Việt Nam, để giúp phát triển kinh tế nhanh nhưng đảm bảo bền vững xã hội, chính quyền địa phương vùng ĐNB có thể nghiên cứu và vận dụng mô hình phát triển kết hợp: tăng trưởng và công bằng giải quyết đồng thời⁵. Theo đó, các chính sách có thể tham khảo và vận dụng linh hoạt tùy theo tình hình và điều kiện địa phương: (1) chính sách tăng trưởng nhanh, (2) chính sách lựa chọn các ngành tăng trưởng nhanh nhưng không gây bất bình đẳng, (3) chính sách xã hội, giải quyết ngay từ đầu vấn đề nghèo đói, bất bình đẳng, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đối với người nghèo, người dân sinh sống khu vực nông thôn.

5.3. Vai trò của Nhà nước trong việc điều phối, kiểm soát bất bình đẳng xã hội

Có hai quan điểm trái chiều, Chỉ số cam kết giảm bất bình đẳng (CRI) cho thấy các Chính phủ đang bị phân hóa thành hai nhóm: giải quyết hay thúc đẩy gia tăng bất bình đẳng (OXFAM, 2018, tr.3). Bên cạnh đó, một khảo sát thực nghiệm của World Values Survey⁶ trên 60 quốc gia chỉ ra rằng, những người giàu hơn có xu hướng ít ủng hộ việc giảm bất bình đẳng - tức là họ coi đó là một động lực quan trọng, trong khi những người thu nhập thấp hơn ủng hộ sự bình đẳng (Roser & Ospina, 2016). Kết quả này phần nào cho thấy, có hai quan điểm thái độ trái

chiều giữa người giàu và nghèo về bất bình đẳng. Nó có thể vừa là động lực, đồng thời là rào cản đối với phát triển. Như vậy, dù đứng trên góc độ Nhà nước hay người dân, thì rõ ràng vai trò của Nhà nước là hết sức quan trọng đối với vấn đề tuyên thông, kiểm soát, điều phối và cần định hướng dư luận bất bình đẳng xã hội theo hướng bền vững.

5.4. Tái phân phối thông qua chính sách thuế và phúc lợi xã hội

Nghiên cứu đã cho thấy thuế và phúc lợi đã làm giảm bất bình đẳng thu nhập đáng kể trong tất cả các quốc gia - khoảng 1/3⁷ (OECD, 2008). Kinh nghiệm này là những gợi mở có thể vận dụng cho trường hợp vùng ĐNB, cũng như Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, khi mà tỷ trọng và xu hướng lao động hưởng lương ngày một gia tăng. Điểm cần lưu ý, vấn đề này cần được diễn giải cẩn thận, vì phân phối thu nhập trước thuế là kết quả của sự lựa chọn duy lý rằng mình phải chịu thuế và nhận được phúc lợi. Hoặc nói cách khác, việc phân phối thu nhập trước thuế có thể khác thu nhập thực tế nếu không có thuế hay phúc lợi. Điểm cần bàn hơn, khi nghiên cứu các ước tính này bất bình đẳng không chỉ giảm xuống bởi tái phân phối giữa các cá nhân tại một thời gian ấn định mà còn đạt được tái phân phối trên bình diện cuộc đời. Thực tế, lương hưu có khả năng giảm chênh lệch bất bình đẳng thông qua cho phép tái phân phối thu nhập liên thế hệ trong quốc gia đó.

6. Kết luận

Trong vòng 10 năm qua, Việt Nam đã duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá ấn tượng so với nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Thành quả kinh tế đã làm thay đổi và nâng cao mức thu nhập đối với hầu hết mọi người dân. Ở vùng ĐNB, động thái và hiện trạng mức độ cải thiện, bất bình đẳng thu nhập giữa đô thị và nông thôn; giữa người giàu và người nghèo; giữa lao động hưởng lương và lao động tự trả lương là khác nhau. Mặc dù, bất bình đẳng thu nhập có xu hướng thu hẹp dần ở khu vực đô thị, vùng kinh tế phát triển, ngược lại đang gia tăng ở nông thôn, vùng kém phát triển, cao nguyên và miền núi. Thành quả tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội nhìn chung đều đến với mọi thành phần, giai tầng xã hội, tuy nhiên bất bình đẳng thu nhập giữa người giàu và nghèo; giữa đô thị và nông thôn; giữa các vùng vẫn còn, sự khác biệt về mức độ vẫn còn đáng kể. Động thái này làm gia tăng và phân hóa sâu rộng sự phân tầng xã hội, cản trở phát triển bền vững đất nước. Do vậy, đòi hỏi Chính phủ cần có những chính sách, giải pháp hiệu quả và quyết liệt hơn để chia sẻ thịnh vượng, hướng tới một tương lai công bằng, bình đẳng hơn cho tất cả mọi người.

⁵. Các mô hình giải quyết mối quan hệ tăng trưởng và công bằng: (1) Mô hình nhấn mạnh công bằng xã hội, (2) Mô hình nhấn mạnh tăng trưởng, (3) Mô hình kết hợp (mô hình 1 và 2).

⁶. Thuộc WB.

⁷. Tương đương 0,15 điểm Gini.

Tài liệu tham khảo

- Alesina, A., & Roberto, P. (1996). Income Distribution, Political Instability and Investment. *European Economic Review*, 40(6), 1203-1228.
- Bo Ke hoạch và Đầu tư. (2015). *Báo cáo quốc gia 15 năm mục tiêu Thiên niên kỷ*. Hà Nội: Nxb. Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Cornia, G. A., & Court, J. (2001). *Inequality, Growth and Poverty in the Era of Liberalization and Globalization*. Helsinki, Finland: World Institute for Development Economics Research, United Nations University.
- Demombynes, G., & Berk, O. (2005). Crime and local inequality in South Africa, *Journal of Development Economics*, 76(2), 265-292.
- Giai, N. Q. (2016). *Số sánh chỉ số phát triển giữa Việt Nam và Indonesia giai đoạn hiện nay*. Trong Kỳ yếu Hội thảo quốc tế: “Hội nhập thị trường ASEAN: Tang trường bên vùng và những vấn đề xuyên văn hóa”.
- Giai, N. Q. (2018). Đặc điểm lao động Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(9C), 144-154.
- Giai, N. Q. (2019). Một số vấn đề về nguồn nhân lực của nước ta dưới góc nhìn giáo dục và đào tạo. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, 8(3), 28-35.
- Giai, N. Q., & cộng sự. (2020). Một số vấn đề về niềm tin xã hội trong nền kinh tế thị trường hiện nay. *Tạp chí Day và Học ngày nay*, (2), 49-52.
- GSO. (2008-2020). *Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2008, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
- GSO. (2019). *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở (1/4/2019)*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
- GSO. (2021). *Xu hướng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020*. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/06/xu-huong-bat-binh-dang-trong-phan-phoi-thu-nhap-o-viet-nam-giai-doan-2016-2020/>, 5/7/2021.
- Ha, N. T. (2013). *Chính sách việc làm: Thực trạng và giải pháp*. http://vnclp.gov.vn/ct/cms/tintuc/Lists/chinhhsach/View_Detail.aspx?ItemID=178, 27/5/2018.
- Hang, N. T. (2019). *Thực trạng bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam giai đoạn 2002-2018*, <https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/mot-so-yeu-to-anh-huong-den-bat-binh-dang-thu-nhap-tai-viet-nam-315959.html>, 1/7/2021.
- Hung, N. T. T. (2020). Bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và khuyến nghị. *Tạp chí Công thương*, (10).
- OECD. (2008). *Growing Unequal? Income Distribution and Poverty in OECD Countries*. OECD, Paris, <https://doi.org/10.1787/9789264044197-en>, 16/7/2021.
- OXFAM (2018). *Chuyển bất bình đẳng*. Số 02. To chức OXFAM tại Việt Nam, <https://www.vietnam.oxfam.org>, 16/7/2021.
- Phong, N. M. (2015). *Tình hai mặt của bất bình đẳng về thu nhập ở Việt Nam*. <https://nhandan.vn/nhan-dinh/tinh-hai-mat-cua-bat-binh-dang-ve-thu-nhap-o-viet-nam-249322>, 3/7/2021.
- Roser, M., & Ospina, E. (2016). *Income Inequality*. <https://ourworldindata.org/income-inequality>, 16/7/2021.
- Son, N. H., & Tien, N. Q. (2014). Nâng cao mức sống dân cư trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam: Thành tựu và những thách thức đặt ra. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 30(1).
- United Kingdom. (2015). *State of the Nation 2015: Social Mobility and Child Poverty in Great Britain*. <https://www.gov.uk/government/publications/state-of-the-nation-2015>, 16/7/2021.
- WB. (2014). *Diễn lại cập nhật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. WB tại Việt Nam.
- WB. (2015). *Nhà ở gia hợp lý ở Việt Nam còn đường phía trước*. Hà Nội: Nxb. WB tại Việt Nam.

THU NHẬP Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ GIẢI ĐOẠN 2010-2020

Nguyễn Quang Giải

Trường Đại học Thủ Dầu Một
Email: nguyenquanggiai@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 16/7/2021
Ngày phản biện: 20/8/2021
Ngày tác giả sửa: 07/9/2021
Ngày duyệt đăng: 20/9/2021
Ngày phát hành: 30/9/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/564>

Dựa vào bộ dữ liệu kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam 2010-2020 (Vietnam Household Living Standard Survey: VHLSS) của Tổng cục Thống kê (GSO), bài viết trình bày các bằng chứng thực nghiệm về bất bình đẳng thu nhập của cư dân ở vùng Đông Nam Bộ diễn ra trong một thập niên vừa qua (giai đoạn từ năm 2010-2020) giữa người giàu - người nghèo; khu vực đô thị - nông thôn và mức độ bất bình đẳng giữa vùng Đông Nam Bộ so với một số vùng Việt Nam. Đồng thời, bài viết cũng trình bày và thảo luận các yếu tố chi phối bất bình đẳng thu nhập và khả năng giải quyết vấn đề trên thông qua hệ thống chính sách. Hệ số giãn cách thu nhập, hệ số Gini và tiêu chuẩn 40WB được đặc biệt sử dụng trong bài viết này.

Từ khóa: Bất bình đẳng thu nhập; Dịch chuyển xã hội; Vùng Đông Nam Bộ; Kinh tế; Thu nhập.